TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH THỦY** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 64/2019/QĐST-HNGĐ	*Thanh Thuỷ, ngày 16 tháng 7 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC Đ□ƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 91/2019/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2019, giữa:

Nguyên đơn: Anh **Đinh Thanh T**, sinh năm 1988

Địa chỉ: Khu 4, xã Y, huyện T, tỉnh P

Bị đơn: Chị **Đinh Thị L**, sinh năm 1989

Địa chỉ: Khu 4 xã Y, huyện T, tỉnh P

Người có Quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Bà **Đinh Thị L**, sinh năm 1969

Địa chỉ: Khu 14 xã Y, huyện T, tỉnh P

Bà **Đinh Thị P,** sinh năm 1962

Địa chỉ: Khu 14 xã Y, huyện T, tỉnh P

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 58, 81,82,83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 09 tháng 7 năm 2019.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 09 tháng 7 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm các điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:
   Anh **Đinh Thanh T** và chị **Đinh Thị L.**
2. Công nhận sự thoả thuận của các đ□ơng sự:

* **Về con chung**: Chị L trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Đinh Minh C, sinh ngày 1x/8/2010; anh T trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Đinh Minh Q, sinh ngày

2x/10/2015 kể từ tháng 7/2019 cho đến khi các cháu thành niên. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau và đều có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật.

* **Về tài sản chung:** Anh T, chị L đều xác định không đề nghị tòa án giải quyết.

*** Về công nợ chung:** Anh T có trách nhiệm trả nợ cho: bà Đinh Thị L số tiền 65.000.000đ(*sáu mươi lăm triệu đồng*); bà Đinh Thị P số tiền 100.000.000đ(*một trăm triệu đồng*), tổng cộng 165.000.000đ*(một trăm sáu mươi lăm triệu đồng)*. Chị L không phải thanh toán chênh lệch về trả nợ cho anh T.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thánh toán số tiền trên, thì phải trả lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự 2015.

*** Về công sức đóng góp:** Hai bên đều xác định không có, không đề nghị tòa án giải quyết nên tòa án không đặt ra giải quyết.

* **Về án phí**: Anh T nhận nộp cả 150.000đ *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh đã nộp 300.000đ*(ba trăm nghìn đồng)*, theo theo biên lai thu tiền số: AA/2017/0001559 ngày 17 tháng 6 năm 2019, tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Thuỷ, tỉnh Phú Thọ.

Anh T nhận nộp cả 4.125.000đ*(bốn triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng)* tiền án phí trả nợ.

Trường hợp Quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án, cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
-VKSND huyện Thanh Thuỷ;
-Chi cục THADS;
-Các đương sự;
-UBND xã Y;
-Lưu HS-VP.

Thẩm phán

Lương Viết Tú